

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 1425/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Ông Lê Thành D, sinh năm 1978.

Địa chỉ: A18 ấp T, xã T1, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Kim T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: A18 ấp T, xã T1, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Lê Thành D và bà Huỳnh Thị Kim T. Giấy chứng nhận kết hôn số 101, quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/6/2008 không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: ông D và bà T có 02 con chung tên Lê Huỳnh Phương U, sinh ngày 30/5/2010 và Lê Huỳnh Phương L, sinh ngày 18/5/2014. Giao hai trẻ Phương U và Phương L cho bà Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ông Thành D có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho một trẻ, hai trẻ là 3.000.000 đồng/tháng. Bắt đầu thi hành từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi hai trẻ Phương U và Phương L lần lượt đủ tuổi trưởng thành là 18 tuổi tròn.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Giàu đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con chung như nêu trên cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng ông Tâm còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 84, Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: ông D và bà T cùng xác định không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm: án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) ông Lê Thành D tự nguyện chịu, được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004997 ngày 18/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Ông D đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đoàn Thị Thanh Thủy